

Số: /QĐ-TTYT

Phù Cát, ngày tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng

Gói thầu: Mua sắm vật tư, dụng cụ, hoá chất, sinh phẩm y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh của Trung tâm Y tế Phù Cát năm 2026 (lần 2) thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm vật tư, dụng cụ, hoá chất, sinh phẩm y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh của Trung tâm Y tế Phù Cát năm 2026 (lần 2)

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ PHÙ CÁT

Căn cứ Luật đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế Phù Cát;

Căn cứ Quyết định số 475/QĐ-TTYT ngày 17/8/2026 của Trung tâm Y tế Phù Cát về việc phê duyệt danh mục, số lượng, yêu cầu kỹ thuật gói thầu: Mua sắm vật tư, dụng cụ, hoá chất, sinh phẩm y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh của Trung tâm Y tế Phù Cát năm 2026 (lần 2);

Căn cứ Quyết định số 479/QĐ-TTYT ngày 18/8/2026 của Trung tâm Y tế Phù Cát về việc phê duyệt giá gói thầu: Mua sắm vật tư, dụng cụ, hoá chất, sinh phẩm y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh của Trung tâm Y tế Phù Cát năm 2026 (lần 2);

Căn cứ Quyết định số 481/QĐ-TTYT ngày 18/8/2026 của Giám đốc Trung tâm Y tế Phù Cát về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm vật tư, dụng cụ, hoá chất, sinh phẩm y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh của Trung tâm Y tế Phù Cát năm 2026 (lần 2);

Căn cứ Thông báo mời thầu chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia <https://muasamcong.gov.vn> mã số IB2600465497, ngày 20/08/2026 của Trung tâm Y tế Phù Cát;

Căn cứ Kết quả chào giá trực tuyến Gói thầu Mua sắm vật tư, dụng cụ, hoá chất, sinh phẩm y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh của Trung tâm Y tế Phù Cát năm 2026 (lần 2), mã số IB2600465497 từ ngày 26/08/2026 đến ngày 27/08/2026 trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia <https://muasamcong.gov.vn>;

Xét đề nghị của Tổ chuyên gia ngày 16/9/2026 việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng gói thầu Mua sắm vật tư, dụng cụ, hoá chất, sinh phẩm y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh của Trung tâm Y tế Phù Cát năm 2026 (lần 2) kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm vật tư, dụng cụ, hoá chất, sinh phẩm y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh của Trung tâm Y tế Phù Cát năm 2026 (lần 2).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng Gói thầu: Mua sắm vật tư, dụng cụ, hoá chất, sinh phẩm y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh của Trung tâm Y tế Phù Cát năm 2026 (lần 2) thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm vật tư, dụng cụ, hoá chất, sinh phẩm y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh của Trung tâm Y tế Phù Cát năm 2026 (lần 2), bao gồm:

1. Thông tin về gói thầu:

- Số E-TBMT: IB2600465497
- Tên gói thầu: Mua sắm vật tư, dụng cụ, hoá chất, sinh phẩm y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh của Trung tâm Y tế Phù Cát năm 2026 (lần 2)
- Giá gói thầu được duyệt: 1.236.428.799 đồng (Bằng chữ: Một tỷ hai trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm chín mươi chín đồng)
- Tên Chủ đầu tư: Trung tâm Y tế Phù Cát.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 04 tháng.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 04 tháng.

2. Thông tin về nhà thầu trúng thầu:

- Nhà thầu trúng thầu: 08 nhà thầu.
 - Tổng giá trị trúng thầu: 714.012.142 đồng
- (Bằng chữ: Bảy trăm mười bốn triệu không trăm mười hai nghìn một trăm bốn mươi hai đồng)./.*

S T T	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (VNĐ)	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có) (VNĐ)	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)
1	Công ty TNHH TBYT Việt Nam CBN	011098 3803	216.600.000	216.600.000	216.600.000	04 tháng	04 tháng	
2	Công ty TNHH Phước Phát EAKAO	600181 7483	13.300.000	13.300.000	13.300.000	04 tháng	04 tháng	
3	Công ty TNHH Thương Mại - Kỹ thuật SUNMED	040177 4882	151.724.100	151.724.100	151.724.100	04 tháng	04 tháng	
4	Công ty TNHH Meditech Automation	600178 1808	85.107.900	85.107.900	85.107.900	04 tháng	04 tháng	
5	Công ty TNHH Thiết bị vật tư Đăng Gia	011117 5171	7.140.000	7.140.000	7.140.000	04 tháng	04 tháng	
6	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Long Thủy	031310 3885	38.182.000	38.182.000	38.182.000	04 tháng	04 tháng	
7	Công ty TNHH Thương mại Phúc Phú Cường	031224 0416	199.877.142	199.877.142	199.877.142	04 tháng	04 tháng	
8	Công ty Cổ phần thương mại y tế DENTECH	031169 1180	2.081.000	2.081.000	2.081.000	04 tháng	04 tháng	

3. Thông tin về nhà thầu không trúng thầu:

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
1	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ MEDISUN	0110446823	PP2600344850	Xếp hạng 2 trở đi
2	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Long Thủy	0313103885	PP2600344850	Xếp hạng 2 trở đi
3	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Long Thủy	0313103885	PP2600344873	Không đạt yêu cầu kỹ thuật
4	Công ty TNHH Thương Mại - Kỹ thuật SUNMED	0401774882	PP2600344882	Không đạt yêu cầu kỹ thuật
5	Công ty TNHH Thương Mại - Kỹ thuật SUNMED	0401774882	PP2600344883	Không đạt yêu cầu kỹ thuật
6	Công ty TNHH Thương Mại - Kỹ thuật SUNMED	0401774882	PP2600344884	Xếp hạng 2 trở đi
7	Công ty TNHH Thương Mại - Kỹ thuật SUNMED	0401774882	PP2600344885	Xếp hạng 2 trở đi
8	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế Nhất Tâm	0312466808	PP2600344954	Xếp hạng 2 trở đi
9	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Long Thủy	0313103885	PP2600344954	Xếp hạng 2 trở đi
10	Công ty TNHH Meditech Automation	6001781808	PP2600344954	Máy test đường huyết nhanh U-RIGHT TD-4279 sử dụng que thử chuyên dụng TD-4279 Test Strip; trong khi que thử xếp hạng thứ nhất tại phần lô PP2600344955 là Que thử VivaChek Ino (VGS01-015), không thuộc hệ que thử sử dụng cho máy U-RIGHT TD-4279. Do đó, hai sản phẩm không tương thích, không thể sử dụng đồng bộ theo mục đích mua sắm; phần lô được hủy thầu theo điểm c khoản 1 Điều 17 Luật Đấu thầu.

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
11	Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế Nhất Tâm	0312466808	PP2600344955	Que thử VivaChek Ino (VGS01-015) không thuộc hệ que thử sử dụng cho máy U-RIGHT TD-4279 là sản phẩm xếp hạng thứ nhất tại phần lô PP2600344954. Do đó, que thử và máy không tương thích, không thể sử dụng đồng bộ theo mục đích mua sắm; phần lô được hủy thầu theo điểm c khoản 1 Điều 17 Luật Đấu thầu.
12	Công ty TNHH Phước Phát EAKAO	6001817483	PP2600344955	Xếp hạng 2 trở đi
13	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Long Thủy	0313103885	PP2600344955	Xếp hạng 2 trở đi
14	Công ty TNHH Meditech Automation	6001781808	PP2600344955	Xếp hạng 2 trở đi

4. Thông tin về hàng hóa trúng thầu:

Thông tin về hàng hóa trúng thầu được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao phòng Tài chính - Kế toán, khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức hoàn thiện hợp đồng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Trưởng khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế, các nhà thầu trúng thầu và các khoa phòng, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Y tế (Báo cáo);
- Lãnh đạo TTYT;
- Trang TTĐT TTYT Phù Cát;
- Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
- Lưu: VT, TCKT, KDVTTBYT.

GIÁM ĐỐC

Trần Thúc Khả

Phụ lục

THÔNG TIN VỀ HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

Gói thầu: Mua sắm vật tư, dụng cụ, hoá chất, sinh phẩm y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh của Trung tâm Y tế Phù Cát năm 2026 (lần 2)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTYT ngày /9/2026 của Trung tâm Y tế Phù Cát)

Stt	Mã phần (Lô)	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Thông số kỹ thuật	Mã HS	GPNK/ Số lưu hành sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đã có VAT) (VND)	Thành tiền (VND)
I	Tên Nhà thầu: CÔNG TY TNHH TBYT VIỆT NAM CBN - Mã số thuế: 0110983803											Tổng giá trị trúng thầu:		216.600.000	
1	PP2600344849	Phim X Quang DI- HL 20x25cm	Phim X Quang DI- HL 20x25cm		DI- HL 20x25cm	2025 trở về sau	FUJIFILM MATERIAL MANUFAC TURING CO., LTD., Nhật Bản	Nhật Bản	Phim khô laser cỡ 20x25 cm tương thích máy in phim khô laser Fujifilm, hộp 150 tờ, sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. Mật độ tối đa 3.3. Xuất xứ : G7	37011000	Số công bố: 240000189/P CBA-HCM Ngày công bố: 25/01/2024	Tấm	15.000	14.440,00	216.600.000
II	Tên Nhà thầu: CÔNG TY TNHH PHƯỚC PHÁT EAKAO - Mã số thuế: 6001817483											Tổng giá trị trúng thầu:		13.300.000	
2	PP2600344850	Ống nghiệm nhựa nắp trắng	Ống nghiệm nhựa PS có nút	KLC-OPS-1	Đức Minh	2025 trở về sau	Công ty Cổ phần nhựa Đức Minh	Việt Nam	Chất liệu: Nhựa PS dùng trong y tế. Ống 5ml		230001835/P CBA-HN	Ống	20.000	665,00	13.300.000
III	Tên Nhà thầu: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI- KỸ THUẬT SUNMED - Mã số thuế: 0401774882											Tổng giá trị trúng thầu:		151.724.100	
3	PP2600344853	Huyết thanh nội kiểm chuẩn mức 1	MEASURE Human Lyo L-1	21C515	UMA	Năm 2025 trở về sau	UMA Co.,Ltd	Nhật Bản	Huyết thanh mẫu dùng làm nội kiểm chuẩn mức 1 được điều chế từ huyết thanh người ổn định hóa và đông khô. Có giá trị đo cho các xét nghiệm hóa sinh so màu, bộ mỡ(bao gồm HDL/LDL/TG/TC), CK/CKMB; chất vi lượng (Calcium, Sắt, Liti, Magie, Phospho, Na, Kẽm, Clo, Đồng, Kali,...); Bộ gan mật (AST; ALT; LDH; GGT; ALP; Direct Bilirubin; Total Bilirubin); thận (URE; Creatinine); Amylase (Total. Tuy); Total Protein; Albumin; TBA; UIBC và một số theo dõi thuốc như Digoxin, Theophyline, Quy cách đóng gói: (1x5mL)	3822	250001853/P CBB-HN	Lọ	5	623.700,00	3.118.500
4	PP2600344854	Huyết thanh nội kiểm chuẩn mức 2	MEASURE Human Lyo L-2	21C525	UMA	Năm 2025 trở về sau	UMA Co.,Ltd	Nhật Bản	Huyết thanh mẫu dùng làm nội kiểm chuẩn mức 2 được điều chế từ huyết thanh người ổn định hóa và đông khô. Có giá trị đo cho các xét nghiệm hóa sinh so màu, bộ mỡ(bao gồm HDL/LDL/TG/TC), CK/CKMB; chất vi lượng (Calcium, Sắt, Liti, Magie, Phospho, Na, Kẽm, Clo, Đồng, Kali,...); Bộ gan mật (AST; ALT; LDH; GGT; ALP; Direct Bilirubin; Total Bilirubin); thận (URE; Creatinine); Amylase (Total. Tuy); Total Protein; Albumin; TBA; UIBC và một số theo dõi thuốc như Digoxin, Theophyline, Quy cách đóng gói: (1x5mL)	3822	250001853/P CBB-HN	Lọ	5	623.700,00	3.118.500
5	PP2600344855	Hóa chất chuẩn cho các xét nghiệm mỡ máu	Lipid Calibrator	21L603	UMA	Năm 2025 trở về sau	UMA Co.,Ltd	Nhật Bản	Hóa chất dùng để tạo đường chuẩn cho các xét nghiệm mỡ máu: HDL/LDL/Triglycerid/Cholesterol được điều chế từ huyết thanh người, dạng đông khô với chất ổn định. Chứa Human based matrix < 5% và Natri Azit < 0.001%, Quy cách đóng gói: (1x2mL)	3822	250001853/P CBB-HN	Lọ	5	1.295.000,00	6.475.000

Stt	Mã phần (Lô)	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Thông số kỹ thuật	Mã HS	GPNK/ Số lưu hành sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đã có VAT) (VND)	Thành tiền (VND)
6	PP2600344856	Huyết thanh nội kiểm tra cho bộ xét nghiệm mỡ máu	Lipid Control	21L503	UMA	Năm 2025 trở về sau	UMA Co.,Ltd	Nhật Bản	Mẫu huyết thanh dùng nội kiểm tra cho bộ xét nghiệm bộ mỡ (bao gồm HDL/ LDL/ TG/ CHO) đang đông khô chứa vật liệu lipids chiết xuất từ huyết thanh người với chất ổn định, gồm Human based matrix 1 - 2% Natri Azit < 0.01%, Quy cách đóng gói: (1x2mL)	3822	250001853/P CBB-HN	Lọ	5	630.000,00	3.150.000
7	PP2600344857	Hoá chất chuẩn cho các xét nghiệm thường quy	MEASURE Multi Calibrator	21M608	UMA	Năm 2025 trở về sau	UMA Co.,Ltd	Nhật Bản	Chất dùng tạo đường chuẩn cho các xét nghiệm thường quy: Đường (Glucose), Gan (AST; ALT; GGT); Thận (Urea, Creatinine), Nội tiết (Amylase); Tim mạch (CK-MB); Tổn thương tế bào (CK;LDH); Mật (Bile Acid); Trao đổi chất (Protein; ALB; Acid Uric);. Được điều chế từ huyết thanh người ổn định và đông khô. Có giá trị đo cho các xét nghiệm hóa sinh so màu, Quy cách đóng gói: (1x5 mL)	3822	250001853/P CBB-HN	Lọ	5	567.000,00	2.835.000
8	PP2600344859	Hóa chất định lượng ALT (SGPT)	MEASURE ALT	11A002A	UMA	Năm 2025 trở về sau	Nhật Bản	UMA Co.,Ltd	Hóa chất xét nghiệm Định lượng ALT/GPT; phương pháp đo JSCC; Hạn sử dụng 18 tháng; dải đo 3~1,000 U/L; Thành phần thuốc thử R1: L- alanine, NADH, Lactate dehydrogenase R2: L-alanine; α-ketoglutaric acid; Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016, Quy cách đóng gói: (5x60 mL+5x20 mL) /Hộp 5 Bộ	3822	250003001/P CBB-HN	Bộ	20	693.000,00	13.860.000
9	PP2600344860	Hóa chất định lượng AST (SGOT)	MEASURE AST	11A004A	UMA	Năm 2025 trở về sau	Nhật Bản	UMA Co.,Ltd	Hóa chất xét nghiệm Định lượng AST/GOT; phương pháp đo JSCC; Hạn sử dụng 18 tháng; dải đo 5~1000 U/L; Thành phần thuốc thử R1: L- Aspartic acid; NADH; malate dehydrogenase (MDH) R2: α-ketoglutaric acid; Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016, Quy cách đóng gói: (5x60 mL+5x20 mL) /Hộp 5 Bộ	3822	250003001/P CBB-HN	Bộ	20	693.000,00	13.860.000
10	PP2600344861	Hóa chất định lượng Creatinine	MEASURE CRE	11C003A	UMA	Năm 2025 trở về sau	UMA Co.,Ltd	Nhật Bản	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Creatinine (Enzymatic); phương pháp đo SOD/POD; Hạn sử dụng 18 tháng; dải đo 8.84 - 8840 μmol/L. ; Thành phần thuốc thử R1: Creatinase, Sarcosine oxidase, (SROD)N-ethyl-N-(2-hydroxy-3-sulfoethyl)-3-methylaniline sodium salt (TOOS) R2: Creatininase (CRN), Peroxidase (POD), 4-Aminoantipyrine (4-AA); Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016, Quy cách đóng gói: (5x60 mL+5x20 mL) /Hộp 5 Bộ	3822	250003001/P CBB-HN	Bộ	20	1.121.000,00	22.420.000

Stt	Mã phần (Lô)	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Thông số kỹ thuật	Mã HS	GPNK/ Số lưu hành sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đã có VAT) (VND)	Thành tiền (VND)
11	PP2600344862	Hóa chất định lượng Glucose	MEASURE GLU HK	11G003A	UMA	Năm 2025 trở về sau	UMA Co.,Ltd	Nhật Bản	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Glucose (Hexokinase); phương pháp đo HK/G6D-PH Method; Hạn sử dụng 12 tháng; dải đo 0.02 - 66.6 mmol/L; Thành phần thuốc thử Thuốc thử 1: nicotinamide adenine dinucleotide phosphate (NADP), Adenosine Triphosphate (ATP) Thuốc thử R-2: Magnesium Sulfate (MgSO4), Hexokinase (HK), Glucose-6-phosphate dehydrogenase (G6PDH); Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016, Quy cách đóng gói: (5x60mL + 5x20mL) /Hộp 5 Bộ	3822	250003001/P CBB-HN	Bộ	20	673.260,00	13.465.200
12	PP2600344863	Hóa chất định lượng Cholesterol toàn phần	MEASURE TC	11T003A	UMA	Năm 2025 trở về sau	UMA Co.,Ltd	Nhật Bản	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Cholesterol; phương pháp đo CHOD/POD; Hạn sử dụng 18 tháng; dải đo 0.08 - 20.72 mmol/L; Thành phần thuốc thử R1: Peroxidase (POD), N-(2-hydroxy-3-sulfopropyl)-3,5-dimethoxyaniline sodium salt (HDAOS), Ascorbate Oxidase (AOD), Lipoprotein lipase (LPL) R2: Cholesterol oxidase (CHOD), Peroxidase (POD), 4-Aminoantipyrine (4-AA); Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016, Quy cách đóng gói: (5x60 mL+5x20 mL) /Hộp 5 Bộ	3822	250003001/P CBB-HN	Bộ	15	520.000,00	7.800.000
13	PP2600344864	Hóa chất định lượng Triglycerides	MEASURE TG(T)	11T005A	UMA	Năm 2025 trở về sau	UMA Co.,Ltd	Nhật Bản	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Triglycerides ; phương pháp đo GK/GPO/POD; Hạn sử dụng 18 tháng; dải đo 0.1 - 11.3 mmol/L; Thành phần thuốc thử R1: Ascorbate oxidase (AOD), Glycerol kinase (GK), Lipoprotein lipase (LPL), Peroxidase (POD), Disodium adenosine-5'-triphosphate (ATP-2Na)-N-Ethyl-N-(2-hydroxy-3-sulfopropyl)-Sodium -3-methylaniline (TOOS) R2: Peroxidase (POD), 4-Aminoantipyrine (4-AA), Gluceronol-3-phosphate oxidase (GPO); Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016, Quy cách đóng gói: (5x60 mL+5x20 mL) /Hộp 5 Bộ	3822	250003001/P CBB-HN	Bộ	15	1.197.000,00	17.955.000
14	PP2600344865	Hóa chất định lượng Uric acid	MEASURE UA	11U001A	UMA	Năm 2025 trở về sau	UMA Co.,Ltd	Nhật Bản	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Acid uric; phương pháp đo Uricase/POD; Hạn sử dụng 24 tháng; dải đo 5.95 - 5950 μmol/L; Thành phần thuốc thử R1: N-(2—hydroxy-3-sulfopropyl)-3,5-dimethylanilin sodium (HDAOS); Ascorbate oxidase (AOD); Peroxidase R2: Uricase; Peroxidase (POD); 4-Aminoantipyrine (4-AA); Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016, Quy cách đóng gói: (5x60 mL+5x20 mL) /Hộp 5 Bộ	3822	250003001/P CBB-HN	Bộ	15	882.000,00	13.230.000

Stt	Mã phần (Lô)	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Thông số kỹ thuật	Mã HS	GPNK/ Số lưu hành sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đã có VAT) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
15	PP26003 44879	Hóa chất định lượng Albumin	MEASURE ALB	11A006A	UMA	Năm 2025 trở về sau	UMA Co.,Ltd	Nhật Bản	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Albumin; phương pháp đo BCG; Hạn sử dụng 24 tháng; dải đo 1 ~ 70 g/L; Thành phần thuốc thử R1: Bromocresol Green Sodium Salt ; Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016, Quy cách đóng gói: (8x60mL)/ Hộp 8 lọ	3822	250001852/P CBB-HN	Lọ	8	324.125,00	2.593.000
16	PP26003 44880	Hóa chất định lượng Gamma Glutamyl Transferase (GGT)	MEASURE GGT	11G002A	UMA	Năm 2025 trở về sau	UMA Co.,Ltd	Nhật Bản	Hóa chất xét nghiệm Định lượng GGT; phương pháp đo IFCC; Hạn sử dụng 18 tháng; dải đo 1~1500 U/L; Thành phần thuốc thử R1: Glycylglycine R2: L-γ-glutamyl -3-carboxy -4-nitroanilide-mono-ammonium; Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016, Quy cách đóng gói: (5x60 mL+5x20 mL) /Hộp 5 Bộ	3822	250003001/P CBB-HN	Bộ	5	741.300,00	3.706.500
17	PP26003 44881	Hóa chất định lượng HDL Cholesterol	MEASURE HDL A	11H032A	UMA	Năm 2025 trở về sau	UMA Co.,Ltd	Nhật Bản	Hóa chất xét nghiệm Định lượng H-Cholesterol (HDL-c); phương pháp đo Inhibition/Direct; Hạn sử dụng 18 tháng; dải đo 0.13 - 3.11 mmol/L; Thành phần thuốc thử R1: ADPS, Ascorbate oxidase (AOD) R2: Cholesterol oxidase (CHOD), Cholesterol Esterase (CHER), Peroxidase (POD), 4-Aminoantipyrine (4-A-A).; Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016, Quy cách đóng gói: (5x60 mL+5x20 mL) /Hộp 5 Bộ	3822	250003001/P CBB-HN	Bộ	5	2.940.000,00	14.700.000
18	PP26003 44894	Hóa chất Định lượng AMYLASE	MEASURE AMYG7	11A013A	UMA	Năm 2025 trở về sau	UMA Co.,Ltd	Nhật Bản	Hóa chất xét nghiệm Định lượng AMYLASE; phương pháp đo G7CNP IFCC; Hạn sử dụng 18 tháng; dải đo 2 ~ 2000 U/L; Thành phần thuốc thử R1: α-glucosidase R2: ethylidene-4-nitrophenol-G7 (maltoheptaose) ethylidene-G7 (maltoheptaose)-PNP; Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016, Quy cách đóng gói: (1x60 mL+1x12 mL)	3822	250003001/P CBB-HN	Bộ	2	4.718.700,00	9.437.400
IV	Tên Nhà thầu: CÔNG TY TNHH MEDITECH AUTOMATION - Mã số thuế: 6001781808											Tổng giá trị trúng thầu:		85.107.900	
19	PP26003 44866	Điện cực K	Điện cực K	INS00015	Erba Lyte K Electrode	Năm 2025 trở về sau	Erba	SÉC	Điện cực Kali sử dụng cho máy điện giải (Phụ kiện đi kèm máy)			Cái	2	7.350.000,00	14.700.000
20	PP26003 44867	Điện cực Na	Điện cực Na	INS00016	Erba Lyte Na Electrode	Năm 2025 trở về sau	Erba	SÉC	Điện cực Natri sử dụng cho máy điện giải (Phụ kiện đi kèm máy)			Cái	2	7.350.000,00	14.700.000
21	PP26003 44868	Điện cực Cl	Điện cực Cl	INS00017	Erba Lyte Cl Electrode	Năm 2025 trở về sau	Erba	SÉC	Điện cực Clo sử dụng cho máy điện giải (Phụ kiện đi kèm máy)			Cái	2	7.350.000,00	14.700.000
22	PP26003 44869	Điện cực tham chiếu	Điện cực tham chiếu	INS00021	Erba Lyte Reference Electrode	Năm 2025 trở về sau	Erba	SÉC	Điện cực tham chiếu sử dụng cho máy điện giải (Phụ kiện đi kèm máy)			Cái	2	6.200.000,00	12.400.000
23	PP26003 44870	Điện cực Ca	Điện cực Ca	INS00018	Erba Lyte Ca Electrode	Năm 2025 trở về sau	Erba	SÉC	Điện cực Calci sử dụng cho máy điện giải (Phụ kiện đi kèm máy)			Cái	2	7.000.000,00	14.000.000

Stt	Mã phần (Lô)	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Thông số kỹ thuật	Mã HS	GPNK/ Số lưu hành sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đã có VAT) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
24	PP26003 44878	Bộ thuốc nhuộm Gram	Bộ thuốc nhuộm Gram	M1 001 ST	Gram	Năm 2025 trở về sau	Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ và Thương Mại Nam Khoa Biotek	Việt Nam	Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Gram. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crysral Violet 100ml/chai; Lugol 100 ml/chai; Alcohol 95% 100ml/chai; Safranine 100ml/chai. Đóng gói: Bộ/100ml Bảo quản: Nhiệt độ thường Hạn dùng: 24 tháng			Bộ	3	978.000,00	2.934.000
25	PP26003 44921	Erba Lyte Ca QC Solution	Erba Lyte Ca QC Solution	REG00019	Erba Lyte CA QC Solution	Năm 2025 trở về sau	Erba	Trung Quốc	Dung dịch kiểm chuẩn chứa:• (K^{+}) : $(5.00 \pm 0.1) \text{ mmol/l}$ • (Na^{+}) : $(145.0 \pm 2) \text{ mmol/l}$ • (Ca^{2+}) : $(1.30 \pm 0.1) \text{ mmol/l}$ (Để kiểm tra hiệu suất của máy phân tích điện phân. Chỉ sử dụng cho máy phân tích Erba Lyte Series. Thành phần: Organic buffer: <0.1% Inorganics salts: <1.0% Preservative: <0.05% Deionized water: sq Đóng gói: Lọ 1x100 ml)			Lọ	1	1.719.900,00	1.719.900
26	PP26003 44922	Erba Lyte Cleaning Solution	Erba Lyte Cleaning Solution	REG00002	Erba Lyte Cleaning Solution	Năm 2025 trở về sau	Erba	Trung Quốc	Loại bỏ protein hình thành trong màng điện cực và đường ống bơm hút, giúp bảo vệ điện cực Chỉ dùng cho máy điện giải ErbaLyte Thành phần : NaClO: 1% Tween 20 : 0,1% Đóng gói: Hộp 100ml			Lọ	1	1.711.500,00	1.711.500
27	PP26003 44923	Erba Lyte Na Conditioner (NaF)	Erba Lyte Na Conditioner (NaF)	REG00010	Erba Lyte Na Conditioner (NaF)	Năm 2025 trở về sau	Erba	Trung Quốc	Dung dịch bảo dưỡng hoạt hóa điện cực Natri:Natri Florua (NaF): 0.05 mol/l• Axit Clohydric (HCl): 0.1 mol/l• Tween 20: 0.1% (Kích hoạt điện cực Nathium và cải thiện độ nhạy và ổn định của điện cực. Chỉ sử dụng cho máy phân tích Erba Lyte Series. Thành phần : Organic buffer < 0.1% Tensioactive < 1.0% Preservative < 0.05% Deionized water sq Đóng gói: Lọ 1x100ml)			Lọ	1	1.858.500,00	1.858.500

Stt	Mã phần (Lô)	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Thông số kỹ thuật	Mã HS	GPNK/ Số lưu hành sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đã có VAT) (VND)	Thành tiền (VND)
28	PP26003 44924	Erba Lyte Na, Cl, pH Electrode Fill Solution	Erba Lyte Na, Cl, pH Electrode Fill Solution	REG00005	Erba Lyte Na, Cl, pH Electrode Fill Solution	Năm 2025 trở về sau	Erba	Trung Quốc	Dung dịch chắm trong điện cực Na, Cl, pH:• NaCl: 0.05 mol/l• KH ₂ PO ₄ : 0.0087 mol/l• Na ₂ HPO ₄ : 0.0304 mol/l (Truyền điện thể màng của điện cực Na, Cl, pH sang điện cực bên trong Ag/AgCl và hiệu chuẩn điện thể điện cực natri, clo, pH. Dung dịch nạp cho điện cực pH, Na ⁺ và Cl ⁻ . Thành phần: Buffer < 0.5% Potassium salts < 8.0% Deionized water sq Đóng gói: Lọ 1x15ml)			Lọ	1	1.596.000,00	1.596.000
29	PP26003 44925	Erba Lyte Ca Electrode Fill Solution	Erba Lyte Ca Electrode Fill Solution	REG00006	Erba Lyte Ca Electrode Fill Solution	Năm 2025 trở về sau	Erba	Trung Quốc	Dung dịch chắm trong điện cực Canxi:• CaCl ₂ : 0.01 mol/l• KCl: 0.1 mol/l (Truyền điện thể màng của điện cực canxi đến điện cực trong Ag/AgCl và hiệu chuẩn điện thể của điện cực canxi. Dung dịch chắm/bổ sung cho điện cực Canxi. Thành phần : Buffer < 0.5% Potassium salts < 6% Deionized water sq Đóng gói: Lọ 1 x 15ml)			Lọ	1	1.596.000,00	1.596.000
30	PP26003 44926	Erba Lyte Reference Electrode Fill Solution	Erba Lyte Reference Electrode Fill Solution	REG00008	Erba Lyte Reference Electrode Fill Solution	Năm 2025 trở về sau	Erba	Trung Quốc	Dung dịch chắm điện cực so sánh (điện cực tham chiếu):• KCl: 2.0 mol/l (Truyền điện thể màng của điện cực Ref sang điện cực bên trong Ag/AgCl và hiệu chuẩn điện thể điện cực Ref Dung dịch nạp cho điện cực Ref Thành phần: Buffer < 0.5% Potassium salts < 6.0% Deionized water sq Đóng gói: Lọ 1 x 15 ml)			Lọ	1	1.596.000,00	1.596.000
31	PP26003 44927	Erba Lyte K Electrode Fill Solution	Erba Lyte K Electrode Fill Solution	REG00004	Erba Lyte K Electrode Fill Solution	Năm 2025 trở về sau	Erba	Trung Quốc	Dung dịch chắm trong điện cực Kali:• KCl: 0.02 mol/l (Truyền điện thể màng của điện cực Kali tới điện cực bên trong Ag/AgCl, và hiệu chỉnh điện thể điện cực Kali. Dung dịch làm đầy điện cực Kali. Thành phần : Buffer < 0.5% Potassium salts < 6% Deionized water sq Đóng gói: Lọ 1x15ml)			Lọ	1	1.596.000,00	1.596.000
V	Tên Nhà thầu: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VẬT TƯ ĐẠNG GIA - Mã số thuế: 0111175171											Tổng giá trị trúng thầu:		7.140.000	
32	PP26003 44871	Test thử xét nghiệm nhanh virus viêm gan HBsAb	Trueline™ HBsAb Rapid Test	IHBsb-302	Trueline	Năm 2025 trở về sau	Medicon	Việt Nam	Test HBsAb định tính phát hiện kháng thể kháng vi rút viêm gan B trong huyết thanh hoặc huyết tương người.		2403130ĐKL H/BYT-HTTB	Test	300	14.300,00	4.290.000

Stt	Mã phần (Lô)	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Thông số kỹ thuật	Mã HS	GPNK/ Số lưu hành sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đã có VAT) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
33	PP26003 44892	Test xét nghiệm nhanh chẩn đoán giang mai	Syphilis Rapid Test Strip (Serum/Plasma/Whole Blood)	L031-10421	Acon	Năm 2025 trở về sau	ACON Biotech (Hangzhou) Co., Ltd. Trung Quốc	Trung Quốc	Que thử xét nghiệm sắc ký miễn dịch kỹ thuật màng, định tính phát hiện các kháng thể (IgG và IgM) kháng Treponema Pallidum (TP) trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần người. - Độ nhạy tương quan: >99,9% - Độ đặc hiệu tương quan: 99,3% - Độ chính xác tương quan: 99,6% - Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: >99% Ổng chống đông máu như heparin, EDTA và sodium citrate không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm. Đọc kết quả ở phút thứ 10 Phân loại TTBYT: D		2300562ĐKL H/BYT-HTTB	Test	500	5.700,00	2.850.000
VI Tên Nhà thầu: CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ LONG THỦY- Mã số thuế: 0313103885												Tổng giá trị trúng thầu:		38.182.000	
34	PP26003 44884	Hóa chất rửa dạng kiềm dùng cho máy phân tích sinh hóa	Dung dịch rửa máy phân tích sinh hóa (Alkaline Washing Solution)	WSALB1	Alkaline Washing Solution	2025 trở về sau	Công ty CPPT Công Nghệ Sinh Học Việt Nam/Việt Nam	Việt Nam	Dung dịch kiềm sử dụng để tẩy rửa thiết bị; thành phần dung dịch Nonionic Surfactant, Metal sealing agent. Water soluble solvent. Cell Line - X < 3% NaOH < 48% Di Water , Quy cách đóng gói: 1000mL		180000521/P CBA-HN	Lít	4	4.772.750,00	19.091.000
35	PP26003 44885	Hóa chất rửa dạng acid dùng cho máy phân tích sinh hóa	Dung dịch rửa máy phân tích sinh hóa (Acid Washing Solution)	WSACB1	Acid Washing Solution	2025 trở về sau	Công ty CPPT Công Nghệ Sinh Học Việt Nam/Việt Nam	Việt Nam	Dung dịch acid sử dụng để tẩy rửa thiết bị; thành phần dung dịch Nonionic Surfactant Organic Acid (Salt)/ Metal corrosion inhibitor, and Antiseptic agent. Cell Line - Acid < 3% Citric Acid < 0.3 Di Water , Quy cách đóng gói: 1000mL		180000521/P CBA-HN	Lít	4	4.772.750,00	19.091.000
VII Tên Nhà thầu: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI PHÚC PHÚ CƯỜNG - Mã số thuế: 0312240416												Tổng giá trị trúng thầu:		199.877.142	
36	PP26003 44886	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HBeAg	Hepatitis B e Antigen (CLIA)	HBeAg111	Hepatitis B e Antigen (CLIA)	2025 trở về sau	Shenzhen Mindray Bio-Medical Electronics Co.,Ltd	Trung Quốc	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang (CLIA) định tính kháng nguyên e của virus viêm gan B (HBeAg) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. - Nguyên lý: xét nghiệm sandwich hai điểm. - Thành phần: + Ra: Kháng thể đơn dòng kháng HBe (IgG chuột) phủ vi hạt thuận từ trong đệm TRIS có chứa chất bảo quản. + Rb: phức hợp kháng thể đơn dòng kháng HBe (IgG chuột) được đánh dấu alkaline phosphatase (ALP) trong dung dịch pha loãng mẫu có chứa chất bảo quản. + Rc: Dung dịch đệm Citrate có chứa chất bảo quản. - Quy cách: Hộp: 2x50 test. - Độ nhạy của xét nghiệm HBeAg ở ngưỡng cutoff là $\leq 0,5$ PEI U/mL. Chạy ổn định trên máy phân tích miễn dịch hóa phát quang Mindray seri CL.	3822	2502448ĐKL H/BYT-HTTB	Test	100	42.000,00	4.200.000

Stt	Mã phần (Lô)	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Thông số kỹ thuật	Mã HS	GPNK/ Số lưu hành sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đã có VAT) (VND)	Thành tiền (VND)
37	PP2600344887	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng HBeAg	HBeAg Calibrators	HBeAg21	HBeAg Calibrators	2025 trở về sau	Shenzhen Mindray Bio-Medical Electronics Co.,Ltd	Trung Quốc	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định tính kháng nguyên e của virus viêm gan B (HBeAg) trong huyết thanh và huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang Mindray CL-Series. Quy cách: Hộp: 2x2ml.	3822	2502448ĐKL H/BYT-HTTB	Lọ	2	1.245.900,00	2.491.800
38	PP2600344888	Vật liệu kiểm soát mức thấp xét nghiệm định lượng HBeAg	HBeAg Negative Control	HBeAgN311	HBeAg Negative Control	2025 trở về sau	Shenzhen Mindray Bio-Medical Electronics Co.,Ltd	Trung Quốc	Vật liệu kiểm soát thấp (âm tính) để theo dõi độ chính xác và độ chụm của xét nghiệm định tính kháng nguyên e của virus viêm gan B (HBeAg) trên máy xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang Mindray CL-series. Quy cách: Hộp: 3x2ml.	3822	2502448ĐKL H/BYT-HTTB	Lọ	3	363.250,00	1.089.750
39	PP2600344889	Vật liệu kiểm soát mức cao xét nghiệm định lượng HBeAg	HBeAg Positive Control	HBeAgP311	HBeAg Positive Control	2025 trở về sau	Shenzhen Mindray Bio-Medical Electronics Co.,Ltd	Trung Quốc	Vật liệu kiểm soát cao (dương tính) để theo dõi độ chính xác và độ chụm của xét nghiệm định tính kháng nguyên e của virus viêm gan B (HBeAg) trên máy xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang Mindray CL-series. Quy cách: Hộp: 3x2ml.	3822	2502448ĐKL H/BYT-HTTB	Lọ	2	363.250,00	726.500
40	PP2600344890	Probe Cleanser	Probe Cleanser	105-002225-00	Probe Cleanser	2025 trở về sau	Shenzhen Mindray Bio-Medical Electronics Co.,Ltd	Trung Quốc	Dung dịch rửa dùng cho các máy xét nghiệm. Thành phần gồm: - Surfactant: ≤0,2% - Sodium hypochlorite: ≤12% - Sodium hydroxide: ≤5%. Quy cách đóng gói: Hộp: 1lọ x50ml. Được sử dụng để làm sạch thiết bị thường xuyên cho máy xét nghiệm miễn dịch.	3822	250000751/P CBA-HCM	Lọ	4	550.000,00	2.200.000
41	PP2600344893	Hóa chất định lượng Troponin I	Troponin I (CLIA)	105-005659-00	Troponin I (CLIA)	2025 trở về sau	Shenzhen Mindray Bio-Medical Electronics Co.,Ltd	Trung Quốc	Thuốc thử xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang (CLIA) định lượng nồng độ Troponin I (TnI) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. - Nguyên lý: xét nghiệm miễn dịch enzyme hai điểm - Thành phần: + Ra: Các vi hạt thuận từ được phủ kháng thể đơn dòng kháng TnI (chuột) trong đệm TRIS có chứa chất bảo quản. + Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng kháng TnI (chuột)-alkaline phosphatase trong đệm MES có chứa chất bảo quản. + Rc: Dung dịch tiền xử lý. Đệm TRIS: 50 mmol/L có chứa chất bảo quản. - Quy cách: Hộp 2x50 test. - Khoảng đo: 0,006-50 ng/mL Chạy ổn định trên máy phân tích miễn dịch hóa phát quang Mindray seri CL.	3822	2404192ĐKL H/BYT-HTTB	Test	1.000	64.000,00	64.000.000

Stt	Mã phần (Lô)	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Thông số kỹ thuật	Mã HS	GPNK/ Số lưu hành sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đã có VAT) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
42	PP2600344896	Hóa chất xét nghiệm định lượng Thyroglobulin (Tg)	Antibody to thyroglobulin (CLIA)	105-005664-00	Antibody to thyroglobulin (CLIA)	2025 trở về sau	Shenzhen Mindray Bio-Medical Electronics Co.,Ltd	Trung Quốc	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang (CLIA) cho định lượng kháng thể kháng thyroglobulin (Anti-Tg) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. - Nguyên lý: xét nghiệm sandwich hai điểm. - Thành phần: + Ra: Các vi hạt thuận từ được phủ với kháng thể đơn dòng kháng biotin trong đệm MES với chất bảo quản. + Rb: Liên hợp Tg-alkaline phosphatase trong dung dịch đệm với chất bảo quản. + Rc: Tg đánh dấu biotin trong dung dịch đệm với chất bảo quản. + Rd: hóa chất xử lý mẫu với chất bảo quản. - Quy cách: Hộp: 2x50 test. - Phạm vi báo cáo: 0,9-2500 IU/mL. Chạy ổn định trên máy phân tích miễn dịch hóa phát quang Mindray seri CL	3822	250003470/P CBB-HCM	Test	100	91.184,00	9.118.400
43	PP2600344897	Vật liệu kiểm soát mức thấp xét nghiệm định lượng Anti-Tg	Anti-thyroid Antibodies Control (L)	105-010221-00	Anti-thyroid Antibodies Control (L)	2025 trở về sau	Shenzhen Mindray Bio-Medical Electronics Co.,Ltd	Trung Quốc	Vật liệu kiểm soát mức thấp xét nghiệm định lượng Anti-Tg được sử dụng để kiểm soát chất lượng bằng cách theo dõi độ chính xác và độ chụm trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang dòng Mindray CL. Quy cách: Hộp: 3x2ml.	3822	250003131/P CBB-HCM	Lọ	3	1.056.400,00	3.169.200
44	PP2600344898	Vật liệu kiểm soát mức cao xét nghiệm định lượng Anti-Tg	Anti-thyroid Antibodies Control (H)	105-010231-00	Anti-thyroid Antibodies Control (H)	2025 trở về sau	Shenzhen Mindray Bio-Medical Electronics Co.,Ltd	Trung Quốc	Vật liệu kiểm soát mức cao xét nghiệm định lượng Anti-Tg được sử dụng để kiểm soát chất lượng bằng cách theo dõi độ chính xác và độ chụm trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang dòng Mindray CL. Quy cách: Hộp: 3x2ml.	3822	250003131/P CBB-HCM	Lọ	3	1.315.866,00	3.947.598
45	PP2600344899	Hóa chất xét nghiệm định lượng HBeAg	Hepatitis B e Antigen (CLIA)	HBeAg111	Hepatitis B e Antigen (CLIA)	2025 trở về sau	Shenzhen Mindray Bio-Medical Electronics Co.,Ltd	Trung Quốc	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang (CLIA) định tính kháng nguyên e của virus viêm gan B (HBeAg) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. - Nguyên lý: xét nghiệm sandwich hai điểm. - Thành phần: + Ra: Kháng thể đơn dòng kháng HBe (IgG chuột) phủ vi hạt thuận từ trong đệm TRIS có chứa chất bảo quản. + Rb: phức hợp kháng thể đơn dòng kháng HBe (IgG chuột) được đánh dấu alkaline phosphatase (ALP) trong dung dịch pha loãng mẫu có chứa chất bảo quản. + Rc: Dung dịch đệm Citrate có chứa chất bảo quản. - Quy cách: Hộp: 2x50 test. - Độ nhạy của xét nghiệm HBeAg ở ngưỡng cutoff là $\leq 0,5$ PEI U/mL. Chạy ổn định trên máy phân tích miễn dịch hóa phát quang Mindray seri CL.	3822	2502448ĐKL H/BYT-HTTB	Test	100	42.000,00	4.200.000

Stt	Mã phần (Lô)	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Thông số kỹ thuật	Mã HS	GPNK/ Số lưu hành sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đã có VAT) (VND)	Thành tiền (VND)
46	PP2600344900	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng HBeAg	HBeAg Calibrators	HBeAg211	HBeAg Calibrators	2025 trở về sau	Shenzhen Mindray Bio-Medical Electronics Co.,Ltd	Trung Quốc	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định tính kháng nguyên e của virus viêm gan B (HBeAg) trong huyết thanh và huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang Mindray CL-Series. Quy cách: Hộp: 2x2ml.	3822	2502448ĐKL H/BYT-HTTB	Lọ	3	1.245.900,00	3.737.700
47	PP2600344901	Vật liệu kiểm soát mức cao xét nghiệm định lượng HBeAg	HBeAg Positive Control	HBeAgP311	HBeAg Positive Control	2025 trở về sau	Shenzhen Mindray Bio-Medical Electronics Co.,Ltd	Trung Quốc	Vật liệu kiểm soát cao (dương tính) để theo dõi độ chính xác và độ chụm của xét nghiệm định tính kháng nguyên e của virus viêm gan B (HBeAg) trên máy xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang Mindray CL-series. Quy cách: Hộp: 3x2ml.	3822	2502448ĐKL H/BYT-HTTB	Lọ	3	363.250,00	1.089.750
48	PP2600344902	Vật liệu kiểm soát mức thấp xét nghiệm định lượng HBeAg	HBeAg Negative Control	HBeAgN311	HBeAg Negative Control	2025 trở về sau	Shenzhen Mindray Bio-Medical Electronics Co.,Ltd	Trung Quốc	Vật liệu kiểm soát thấp (âm tính) để theo dõi độ chính xác và độ chụm của xét nghiệm định tính kháng nguyên e của virus viêm gan B (HBeAg) trên máy xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang Mindray CL-series. Quy cách: Hộp: 3x2ml.	3822	2502448ĐKL H/BYT-HTTB	Lọ	3	363.250,00	1.089.750
49	PP2600344903	Hóa chất xét nghiệm định lượng Anti-TP	Antibody to Treponema pallidum (CLIA)	Anti-TP111	Antibody to Treponema pallidum (CLIA)	2025 trở về sau	Shenzhen Mindray Bio-Medical Electronics Co.,Ltd	Trung Quốc	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang (CLIA) định tính Anti-TP trong huyết thanh hoặc huyết tương người. - Nguyên lý: xét nghiệm sandwich hai bước. - Thành phần: + Ra: Các vi hạt thuận từ phủ kháng nguyên TP tái tổ hợp trong đệm TRIS với chất bảo quản. + Rb: Liên hợp kháng kháng thể - Alkaline phosphatase trong đệm MES với chất bảo quản. + Rc, Rd: Các dung dịch đệm có chất bảo quản. - Quy cách: Hộp: 2x50 test. Chạy ổn định trên máy phân tích miễn dịch hóa phát quang Mindray seri CL.	3822	2500442ĐKL H/BYT-HTTB	Test	100	73.392,00	7.339.200
50	PP2600344904	Vật liệu kiểm soát mức cao xét nghiệm định lượng Anti-TP	Anti-TP Positive Control	Anti-TPP311	Anti-TP Positive Control	2025 trở về sau	Shenzhen Mindray Bio-Medical Electronics Co.,Ltd	Trung Quốc	Vật liệu kiểm soát mức cao (dương tính) xét nghiệm định tính Anti-TP được dùng để kiểm soát chất lượng bằng cách theo dõi độ chính xác và độ chụm trên máy phân tích miễn dịch hóa phát quang dòng Mindray CL. Quy cách: Hộp: 3x2ml.	3822	2500442ĐKL H/BYT-HTTB	Lọ	3	1.019.333,00	3.057.999
51	PP2600344905	Vật liệu kiểm soát mức thấp xét nghiệm định lượng Anti-TP	Anti-TP Negative Control	Anti-TPN311	Anti-TP Negative Control	2025 trở về sau	Shenzhen Mindray Bio-Medical Electronics Co.,Ltd	Trung Quốc	Vật liệu kiểm soát mức thấp (âm tính) xét nghiệm định tính Anti-TP được dùng để kiểm soát chất lượng bằng cách theo dõi độ chính xác và độ chụm trên máy phân tích miễn dịch hóa phát quang dòng Mindray CL. Quy cách: Hộp: 3x2ml.	3822	2500442ĐKL H/BYT-HTTB	Lọ	3	1.019.333,00	3.057.999

Stt	Mã phần (Lô)	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Thông số kỹ thuật	Mã HS	GPNK/ Số lưu hành sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đã có VAT) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
52	PP26003 44906	Hóa chất xét nghiệm định lượng FSH	Follicle Stimulating Hormone (CLIA)	105-004222-00	Follicle Stimulating Hormone (CLIA)	2025 trở về sau	Shenzhen Mindray Bio-Medical Electronics Co.,Ltd	Trung Quốc	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang (CLIA) định lượng hormone kích thích nang trứng (FSH) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. - Nguyên lý: xét nghiệm sandwich hai vị trí. - Thành phần: + Ra: Các vi hạt thuận từ được phủ kháng thể đơn dòng (chuột) kháng FSH trong đệm TRIS với chất bảo quản. + Rb: Kháng thể đơn dòng (chuột) kháng FSH - alkaline phosphatase trong dung dịch đệm với chất bảo quản. - Quy cách: Hộp: 2x50 test. - Phạm vi báo cáo: 0,2-200 mIU/mL. Chạy ổn định trên máy phân tích miễn dịch hóa phát quang Mindray seri CL.	3822	230000071/P CBB-HCM	Test	100	48.772,00	4.877.200
53	PP26003 44907	Hóa chất xét nghiệm định lượng Estradiol	Estradiol (CLIA)	105-004225-00	Estradiol (CLIA)	2025 trở về sau	Shenzhen Mindray Bio-Medical Electronics Co.,Ltd	Trung Quốc	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang (CLIA) định lượng Estradiol (E2) trong huyết thanh của người. - Nguyên lý: xét nghiệm miễn dịch liên kết cạnh tranh. - Thành phần: + Ra: Các vi hạt thuận từ được phủ với kháng thể dê kháng IgG thô trong đệm TRIS với chất bảo quản. + Rb: Liên hợp Estradiol-alkaline phosphatase trong đệm MES với chất bảo quản. + Rc: Kháng thể đa dòng kháng estradiol (thỏ) trong đệm TRIS có chất bảo quản. + Rd: Dung dịch xử lý mẫu có chất bảo quản. - Quy cách: Hộp: 2x50 test. - Phạm vi báo cáo: 10-4800 pg/mL. Chạy ổn định trên máy phân tích miễn dịch hóa phát quang Mindray seri CL.	3822	230000071/P CBB-HCM	Test	100	53.376,00	5.337.600
54	PP26003 44908	Hóa chất xét nghiệm định lượng PTH	Parathyroid hormone (CLIA)	105-008684-00	Parathyroid hormone (CLIA)	2025 trở về sau	Shenzhen Mindray Bio-Medical Electronics Co.,Ltd	Trung Quốc	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang (CLIA) định lượng PTH trong huyết thanh hoặc huyết tương người. - Nguyên lý: xét nghiệm miễn dịch hai điểm. - Thành phần: + Ra: Các vi hạt thuận từ được phủ kháng thể đa dòng (dê) kháng PTH trong đệm TRIS với chất bảo quản. + Rb: Liên hợp kháng thể kháng PTH (chuột) - alkaline phosphatase trong đệm MES với chất bảo quản. - Quy cách: Hộp: 2x50 test. - Phạm vi báo cáo: 1,2-5000 pg/mL. Chạy ổn định trên máy phân tích miễn dịch hóa phát quang Mindray seri CL.	3822	230000067/P CBB-HCM	Test	100	142.336,00	14.233.600

Stt	Mã phần (Lô)	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Thông số kỹ thuật	Mã HS	GPNK/ Số lưu hành sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đã có VAT) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
55	PP2600344909	Hóa chất xét nghiệm định lượng Calcitonin	Calcitonin (CLIA)	105-008685-00	Calcitonin (CLIA)	2025 trở về sau	Shenzhen Mindray Bio-Medical Electronics Co.,Ltd	Trung Quốc	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang (CLIA) định lượng Calcitonin (CT) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. - Nguyên lý: xét nghiệm miễn dịch hai điểm. - Thành phần: + Ra: Các vi hạt thuận từ phủ kháng thể đơn dòng kháng CT trong đệm MES với chất bảo quản. + Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng kháng CT - alkaline phosphatase trong dung dịch đệm với chất bảo quản. - Quy cách: Hộp: 2x50 test. - Phạm vi báo cáo: 0,5-2000 pg/mL. Chạy ổn định trên máy phân tích miễn dịch hóa phát quang Mindray seri CL.	3822	230000067/P CBB-HCM	Test	100	142.336,00	14.233.600
56	PP2600344910	Vật liệu kiểm soát mức thấp xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch cho xét nghiệm Calcitonin	Metabolic Multi Control (L)	105-008554-00	Metabolic Multi Control (L)	2025 trở về sau	Shenzhen Mindray Bio-Medical Electronics Co.,Ltd	Trung Quốc	Vật liệu kiểm soát mức thấp được sử dụng để kiểm soát chất lượng bằng cách theo dõi độ chính xác và độ chính xác trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang dòng CL-series trong xét nghiệm định lượng PTH, Calcitonin (CT)... Quy cách: Hộp: 3x2ml.	3822	230000067/P CBB-HCM	Lọ	3	919.000,00	2.757.000
57	PP2600344911	Vật liệu kiểm soát mức cao xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch cho xét nghiệm Calcitonin	Metabolic Multi Control (H)	105-008555-00	Metabolic Multi Control (H)	2025 trở về sau	Shenzhen Mindray Bio-Medical Electronics Co.,Ltd	Trung Quốc	Vật liệu kiểm soát mức cao được sử dụng để kiểm soát chất lượng bằng cách theo dõi độ chính xác và độ chính xác trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang dòng CL-series trong xét nghiệm định lượng PTH, Calcitonin (CT)... Quy cách: Hộp: 3x2ml.	3822	230000067/P CBB-HCM	Lọ	3	919.000,00	2.757.000

Stt	Mã phần (Lô)	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Thông số kỹ thuật	Mã HS	GPNK/ Số lưu hành sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đã có VAT) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
58	PP26003 44912	Hóa chất xét nghiệm định tính IgM virus Rubella	Rubella Virus IgM (CLIA)	105-012515-A0	Rubella Virus IgM (CLIA)	2025 trở về sau	Shenzhen Mindray Bio-Medical Electronics Co.,Ltd	Trung Quốc	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang (CLIA) định tính IgM virus Rubella trong huyết thanh và huyết tương người. - Nguyên lý đo: phương pháp μ -capture. - Thành phần: + Ra: Các vi hạt thuận từ được phủ kháng thể IgM đơn dòng. Nồng độ tối thiểu: 0,3 mg/mL chất rắn. Dung dịch đệm Tris: 50 mmol/L. Chất bảo quản: Proclin 300 0,048%. Thể tích 3,8 mL. + Rb: Kháng nguyên virus Rubella được dán nhãn ALP trong bộ đệm MES. Nồng độ tối thiểu: 20 ng/mL. Dung dịch đệm MES: 50 mmol/L. Chất bảo quản: Proclin 300 0,048%. Thể tích 3,5 mL. + Rc: Dung dịch xử lý mẫu. Dung dịch đệm Tris 50 mmol/L. Chất bảo quản: Proclin 300 0,048%. Thể tích 3,5 mL. + Rd: Dung dịch pha loãng thử. Dung dịch đệm MES 50 mmol/L. Chất bảo quản: Proclin 300 0,048%. Thể tích 7,8 mL. + Chất hiệu chuẩn Calibrators: C0: Kháng thể IgM kháng virus Rubella âm tính trong dung dịch đệm có 0,048% Proclin 300. C1: Kháng thể IgM kháng virus Rubella dương tính trong huyết thanh người có 0,1% Proclin 300. Thể tích: C0:1× 0,6 mL/lọ; C1:1× 0,5 mL/lọ. - Quy cách: Hộp: 2x50 test. Chạy ổn định trên máy phân tích miễn dịch hóa phát quang Mindray seri CL.	3822	2404736ĐKL H/BYT-HTTB	Test	100	137.610,00	13.761.000
59	PP26003 44913	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Procalcitonin (PCT)	PCT Calibrators	105-010219-00	PCT Calibrators	2025 trở về sau	Shenzhen Mindray Bio-Medical Electronics Co.,Ltd	Trung Quốc	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Procalcitonin (PCT) trên máy miễn dịch hóa phát quang (CLIA) dòng Mindray-CL. - Thành phần: PCT trong đệm Albumin huyết thanh bò (BSA) ở 3 mức nồng độ. - Quy cách: Hộp: C0:1x1.2 mL C1:1x1.0 mL C2:1x1.0 mL; Hộp: 03 Lọ.	3822	2500662ĐKL H/BYT-HTTB	Lọ	6	456.790,00	2.740.740
60	PP26003 44914	Vật liệu kiểm soát mức thấp xét nghiệm định lượng Procalcitonin (PCT)	PCT Control (L)	105-010228-00	PCT Control (L)	2025 trở về sau	Shenzhen Mindray Bio-Medical Electronics Co.,Ltd	Trung Quốc	Vật liệu kiểm soát mức thấp được sử dụng để kiểm chuẩn bằng cách theo dõi độ chính xác và độ chụm của máy phân tích xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang Mindray sê-ri CL trong xét nghiệm định lượng Procalcitonin (PCT). - Quy cách: Hộp: 3x2mL. Tương thích và chạy ổn định trên máy xét nghiệm miễn dịch.	3822	2500662ĐKL H/BYT-HTTB	Lọ	6	560.000,00	3.360.000
61	PP26003 44915	Vật liệu kiểm soát mức cao xét nghiệm định lượng Procalcitonin (PCT)	PCT Control (H)	105-010238-00	PCT Control (H)	2025 trở về sau	Shenzhen Mindray Bio-Medical Electronics Co.,Ltd	Trung Quốc	Vật liệu kiểm soát mức cao được sử dụng để kiểm chuẩn bằng cách theo dõi độ chính xác và độ chụm của máy phân tích xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang Mindray sê-ri CL trong xét nghiệm định lượng Procalcitonin (PCT). - Quy cách: Hộp: 3x2mL. Tương thích và chạy ổn định trên máy xét nghiệm miễn dịch.	3822	2500662ĐKL H/BYT-HTTB	Lọ	6	561.666,00	3.369.996

Stt	Mã phần (Lô)	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Thông số kỹ thuật	Mã HS	GPNK/ Số lưu hành sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đã có VAT) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
62	PP26003 44916	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng free triiodothyronine (FT3)	Free T3 Calibrators	105-004277-00	Free T3 Calibrators	2025 trở về sau	Shenzhen Mindray Bio-Medical Electronics Co.,Ltd	Trung Quốc	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Free triiodothyronine (FT3) trên máy phân tích miễn dịch hóa phát quang dòng Mindray CL. Thành phần: Free T3 (tổng hợp) ở ba mức nồng độ (C0,C1,C2) trong chất bảo quản. Quy cách: Hộp: 3x2ml.	3822	250001503/P CBB-HCM	Lọ	3	1.036.640,00	3.109.920
63	PP26003 44917	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng free thyroxine (FT4)	Free T4 Calibrators	105-004278-00	Free T4 Calibrators	2025 trở về sau	Shenzhen Mindray Bio-Medical Electronics Co.,Ltd	Trung Quốc	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Free thyroxine (FT4) trên máy phân tích miễn dịch hóa phát quang dòng Mindray CL. Thành phần: Free T4 (tổng hợp) ở ba mức nồng độ (C0,C1,C2) trong chất bảo quản. Quy cách: Hộp: 3x2ml.	3822	250001503/P CBB-HCM	Lọ	3	1.036.640,00	3.109.920
64	PP26003 44918	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng thyroidstimulating hormone (TSH)	TSH Calibrators	105-004281-00	TSH Calibrators	2025 trở về sau	Shenzhen Mindray Bio-Medical Electronics Co.,Ltd	Trung Quốc	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng thyroid-stimulating hormone (TSH) trên máy phân tích miễn dịch hóa phát quang dòng Mindray CL. Thành phần: C0: Đệm albumin huyết thanh bò (BSA) trong chất bảo quản; C1-C2: TSH ở hai mức nồng độ trong chất bảo quản. Quy cách: Hộp: 3x2ml.	3822	250001503/P CBB-HCM	Lọ	3	1.036.640,00	3.109.920
65	PP26003 44919	Vật liệu kiểm soát mức thấp xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch cho các xét nghiệm FT3, FT4, T3, T4, TSH,Tg	Thyroid Function Multi Control (L)	105-007379-00	Thyroid Function Multi Control (L)	2025 trở về sau	Shenzhen Mindray Bio-Medical Electronics Co.,Ltd	Trung Quốc	Vật liệu kiểm soát mức thấp được sử dụng với các xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang Mindray CL-series, bao gồm Free T3, Free T4, Total T3, Total T4, TSH và Tg. - Thành phần: chứa các chất phân tích Free T3, Free T4, Total T3, Total T4, TSH và Tg trong chất bảo quản. - Quy cách: Hộp: 3x5ml. Chạy ổn định trên máy phân tích miễn dịch hóa phát quang Mindray seri CL	3822	250001504/P CBB-HCM	Lọ	3	1.434.000,00	4.302.000
66	PP26003 44920	Vật liệu kiểm soát mức cao xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch cho các xét nghiệm FT3, FT4, T3, T4, TSH,Tg	Thyroid Function Multi Control (H)	105-007380-00	Thyroid Function Multi Control (H)	2025 trở về sau	Shenzhen Mindray Bio-Medical Electronics Co.,Ltd	Trung Quốc	Vật liệu kiểm soát mức cao được sử dụng với các xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang Mindray CL-series, bao gồm Free T3, Free T4, Total T3, Total T4, TSH và Tg. - Thành phần: chứa các chất phân tích Free T3, Free T4, Total T3, Total T4, TSH và Tg trong chất bảo quản. - Quy cách: Hộp: 3x5ml. Chạy ổn định trên máy phân tích miễn dịch hóa phát quang Mindray seri CL	3822	250001504/P CBB-HCM	Lọ	3	1.434.000,00	4.302.000
VIII Tên Nhà thầu: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI Y TẾ DENTECH- Mã số thuế: 0311691180												Tổng giá trị trúng thầu:			2.081.000
67	PP26003 44934	Lentulo trám bit ống tủy	Đầu đưa vật liệu trám bit ống tủy - Paste Carriers	C47021025 C47021030 C47021035 C47021040 C47021100 C47025025 C47025030 C47025035 C47025040 C47025100	Đầu đưa vật liệu trám bit ống tủy - Paste Carriers	2025 trở đi	Shenzhen Feihuan Medical Instruments Co., Ltd	Trung Quốc	Mũi lentulo nội nha Chất liệu thép không gỉ Chiều dài 21mm, 25 mm Size: 25, 30, 35, 40	9018	Số công bố: 250003606/P CBB-HCM Ngày công bố: 12/11/2025	Cây	20	26.250,00	525.000

Stt	Mã phần (Lô)	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Thông số kỹ thuật	Mã HS	GPNK/ Số lưu hành sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đã có VAT) (VND)	Thành tiền (VND)
68	PP26003 44935	Trâm gai lấy tủy	Dụng cụ nha khoa: Trâm nội nha - Barbed Broaches	C38021000 C38021001 C38021002 C38021003 C38021004	Dụng cụ nha khoa: Trâm nội nha - Barbed Broaches	2025 trở đi	Shenzhen Feihuan Medical Instruments Co., Ltd	Trung Quốc	Trâm gai nội nha, bằng thép không gỉ Kích cỡ: 00, 01, 02, 03, 04 Chiều dài 21mm	9018	Số công bố: 250003616/P CBB-HCM Ngày công bố: 12/11/2025	Cây	60	14.166,67	850.000
69	PP26003 44940	Oxide kẽm	Vật liệu trám răng - MAARC Zinc Oxide	5001/100	Vật liệu trám răng - Zinc Oxide	2025 trở đi	Aadi Med	Ấn Độ	Bột oxit kẽm (zinc oxide) tinh khiết, mịn đồng nhất, sử dụng cùng với Eugenol là vật liệu trám tạm thời (Cement tạm thời loại II để trám lót và phục hồi tạm thời), Trám răng tạm thời trong quá trình phục hồi/nội nha. Dễ dàng xử lý và ứng dụng trực tiếp dễ dàng tại vị trí dự kiến. Xi măng không gây kích ứng và bịt kín xoang trám mà không bị hở Ngăn chặn sự nhiễm bẩn bằng cách duy trì một lớp đệm vành tốt của xoang. Quy cách: Hộp/Lọ 100 gam	3006	Số công bố: 260002608/P CBB-HCM Ngày công bố: 10/08/2026	Hộp	2	215.000,00	430.000
70	PP26003 44941	Eugenol	Vật liệu trám răng - MAARC Eugenol	3002/030	Vật liệu trám răng - Eugenol	2025 trở đi	Aadi Med	Ấn Độ	Eugenol sử dụng cùng với Bột oxit kẽm (zinc oxide) là vật liệu trám tạm thời (Cement tạm thời loại II để trám lót và phục hồi tạm thời), Trám răng tạm thời trong quá trình phục hồi/nội nha. Dễ dàng xử lý và ứng dụng trực tiếp dễ dàng tại vị trí dự kiến. Xi măng không gây kích ứng và bịt kín xoang trám mà không bị hở Ngăn chặn sự nhiễm bẩn bằng cách duy trì một lớp đệm vành tốt của xoang. Quy cách Chai 30 ml	3006	Số công bố: 260002608/P CBB-HCM Ngày công bố: 10/08/2026	Lọ	2	138.000,00	276.000
Tổng cộng: 70 mặt hàng														Tổng cộng:	714.012.142

(Bằng chữ: Bảy trăm mười bốn triệu không trăm mười hai nghìn một trăm bốn mươi hai đồng)/.

Ghi chú:

(*): Giá trúng thầu bao gồm tất cả các chi phí liên quan như: Giá bán, thuế VAT, thuế nhập khẩu (nếu có), các chi phí vận chuyển, bốc dỡ và các chi phí khác có liên quan... để cung cấp hàng hoá đến tận kho của Trung tâm Y tế Phù Cát.